

Bản án số: 104/2021/DS-ST.

Ngày: 03/02/2021.

V/v: *Tranh chấp liên quan đến yêu
cầu tuyên bố văn bản công chứng vô
hiệu.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phù Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kiên Hiền.

2. Bà Lê Thị Xuân Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nhật Vi Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 818/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 332/2020/QĐ-XX ngày 22 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HPT ngày 13 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị S. Sinh năm 1981.

Trú tại: 28/6 đường A, phường B, quận C, Thành phố D.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung T - Theo Giấy ủy quyền ngày 23/6/2020.

Địa chỉ: 347/20/8 E, Phường F, quận G, Thành phố D.

2. *Bị đơn:* Văn phòng Công chứng P (tên cũ: Văn phòng Công chứng T).

Trụ sở: 240 đường H, Phường I, Quận K, Thành phố D.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Xuân T - Trưởng văn phòng.

Địa chỉ: 240 đường H, Phường I, Quận K, Thành phố D.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thùy Mỹ D. Sinh năm 1973.

Nơi cư trú cuối cùng: 597/14 đường L, Phường M, Quận N, Thành phố D.

- Bà Phạm Thị Minh A.

Nơi làm việc: 240 đường H, Phường I, Quận K, Thành phố D.

(bà S, Văn phòng Công chứng P, bà A có đơn xin vắng mặt; bà D vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Tô Thị S có ông Nguyễn Trung T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà S là chủ sở hữu nhà, đất tại thửa đất số XXX, tờ bản đồ số XX, địa chỉ ấp O, xã P, huyện Q, Thành phố D theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX XXXXXX, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CHXXXXXX do UBND huyện Q, Thành phố D cấp ngày XX/XX/XXXX (sau đây gọi tắt là căn nhà).

Vào ngày XX/XX/XXXX, bà S bị cướp giật xách. Trong giỏ xách có chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của căn nhà.

Sau đó, nhờ chính quyền can thiệp, bà S đã nhận lại được giấy tờ nhà.

Tuy nhiên, bà S được biết Văn phòng Công chứng T, đã công chứng hợp đồng ủy quyền số XXXXXX ngày XX/XX/XXXX với nội dung: bà S ủy quyền cho bà Nguyễn Thùy Mỹ D để được toàn quyền định đoạt đối với căn nhà. Trên thực tế, bà S hoàn toàn không đến Văn phòng Công chứng T để công chứng hợp đồng ủy quyền nói trên. Theo đó, người mạo danh bà S đã sử dụng chứng minh nhân dân giả để tiến hành công chứng nhưng Văn phòng công chứng T vẫn công chứng hồ sơ này.

Sau đó, bà S đã liên hệ với Văn phòng công chứng T để yêu cầu hủy bỏ hợp đồng ủy quyền số XXXXXX ngày XX/XX/XXXX. Văn phòng công chứng T đề nghị bà S và người được ủy quyền phải cùng đến Văn phòng công chứng T và mang theo đầy đủ hồ sơ, tài liệu như khi công chứng để thực hiện thủ tục hủy bỏ ủy quyền. Tuy nhiên, do bà D hiện đã bỏ trốn nên không liên lạc được.

Nay bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 3 tuyên bố hợp đồng ủy quyền số XXXXXX ngày XX/XX/XXXX bị vô hiệu.

Tại văn bản ngày 20/10/2020, Văn phòng Công chứng P trình bày:

- Văn phòng Công chứng T (nay là Văn phòng Công chứng P) xác nhận hợp đồng ủy quyền số XXXXXX ngày XX/XX/XXXX do công chứng viên Phạm Thị Minh A thực hiện công chứng.

- Sau khi thực hiện công chứng, qua xác minh ban đầu, công chứng viên đã phát hiện có dấu hiệu người yêu cầu công chứng đã gian dối và cung cấp tài liệu chứng cứ giả mạo nên đã đề nghị Trung tâm thông tin và tư vấn công chứng, Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh ngăn chặn mọi giao dịch liên quan đến hợp đồng ủy quyền số XXXXXX ngày XX/XX/XXXX.

- Văn phòng Công chứng đã cung cấp tài liệu cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 3 xác minh, làm rõ vụ việc. Kết quả giám định của cơ quan chức năng cho thấy đã có dấu hiệu làm giả các giấy, đóng giả người đến công chứng.

- Về việc giải quyết vụ án, Văn phòng Công chứng xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản ngày 02/12/2020, bà Phạm Thị Minh A trình bày: thống nhất với lời khai của Văn phòng Công chứng P.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được vì bà Nguyễn Thùy Mỹ D không tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Bà S, Văn phòng Công chứng P, bà A có đơn xin vắng mặt; bà D vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

2. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; bà S, Văn phòng Công chứng P, bà A đã chấp hành đúng quy định pháp luật; bà D không tham gia tố tụng trong vụ án.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S vì có cơ sở; Văn phòng Công chứng, bà A, bà D không có yêu cầu gì nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu của bà S thuộc “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*” quy định tại khoản 11, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét Văn phòng Công chứng P có trụ sở tại Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 11, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối bà D để tham gia hòa giải nhưng bà D vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại khoản 1, Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với bà D để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bà D vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bà S, Văn phòng Công chứng P, bà A có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà S, Văn phòng Công chứng P, bà A theo quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không giải quyết về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng quy định pháp luật để giải quyết vụ án:

Xét giao dịch dân sự do các bên xác lập và thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Công Chứng nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Công Chứng để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà S:

[4.1] Về quyền khởi kiện:

Căn cứ Điều 52 Luật Công chứng quy định:

"Điều 52. Người có quyền đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu

Công chứng viên, người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu khi có căn cứ cho rằng việc công chứng có vi phạm pháp luật".

Trong vụ án này, bà S chủ sở hữu căn nhà nên bà S có quyền khởi kiện đòi với hợp đồng ủy quyền số XXXXXX ngày XX/XX/XXXX.

[4.2] Về tính pháp lý của hợp đồng ủy quyền số XXXXXX ngày XX/XX/XXXX:

Căn cứ Kết luận giám định số XXX/KDGD-TT ngày XX/XX/XXXX của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện:

"... 5.1. Chữ ký dạng viết, chữ viết họ tên "Tô Thị S" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục 2.1) so với chữ viết của Tô Thị S tên tài liệu dùng mẫu so sánh ký hiệu M1 (đã nêu ở mục 2.2) không do cùng một người viết ra.

5.2. Dấu vân tay mang tên "Tô Thị S" dưới mục "Bên A" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục 2.1) không trùng dấu vân tay trên tài liệu dùng làm mẫu so sánh ký hiệu M2 (đã nêu ở mục 2.2)....".

Như vậy, đủ cơ sở khẳng định bà S không ký tên, điểm chỉ vào hợp đồng ủy quyền số XXXXXX ngày XX/XX/XXXX và đã có đối tượng khác sử dụng giấy tờ nhà của bà S và giả chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của bà S để ký hợp đồng ủy quyền số XXXXXX ngày XX/XX/XXXX. Vì vậy, hợp đồng ủy quyền số XXXXXX ngày XX/XX/XXXX bị vô hiệu theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Dân sự.

Xét các đương sự trong vụ án không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng bị vô hiệu nên Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề này trong vụ án.

[5] Như đã phân tích, xét yêu cầu của bà S và lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 có cơ sở nên được chấp nhận; do Văn phòng Công chứng P, bà A không có yêu cầu gì nên không giải quyết và bà D không có lời khai nên không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Văn phòng Công chứng P phải nộp án phí là 300.000 đồng.

- Hoàn lại cho bà S số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai số XXXXXXXX ngày XX/XX/XXXX của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 2, Điều 184; khoản 1, Điều 207; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228 và khoản 1, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 52 Luật Công Chứng;

Căn cứ Điều 123, Điều 131 Luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị S:

- Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền số công chứng XXXXXX do Văn phòng Công chứng T (nay là Văn Phòng Công chứng P) công chứng ngày XX/XX/XXX bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Văn phòng Công chứng P phải nộp án phí là 300.000 đồng.

- Hoàn lại cho bà Tô Thị S số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai số XXXXXXXX ngày XX/XX/XXXX của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THA dân sự Q.3;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)
Phù Quốc Tuấn**